

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 05 năm 2026

Số:41/ QĐ-QT

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Ban hành chương trình đào tạo Trung cấp chính quy
Công Nghệ Thông Tin**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG CẤP QUANG TRUNG

Căn cứ Quyết định số 3734/QĐ-UBND ngày 15/08/2006 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về cho phép thành lập Trường Trung cấp tư thực Kinh tế Kỹ thuật Quang Trung;

Căn cứ Quyết định số 1375/2011/QĐ-UBND ngày ngày 22/03/2011 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc đổi tên thành Trường Trung cấp Quang Trung;

Căn cứ Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBOXH Ngày 21 Tháng 10 Năm 2021 Của Bộ Lao Động Thương Binh Và Xã Hội về Quy định Điều lệ Trường Trung cấp.;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBOXH Ngày 01 Tháng 03 Năm 2017 Của Bộ Lao Động Thương Binh Và Xã Hội về quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBOXH Ngày 19 Tháng 02 Năm 2024 Của Bộ Lao Động Thương Binh Và Xã Hội về Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp chính quy **Công Nghệ Thông Tin**, mã ngành: 5480201. (đính kèm chương trình đào tạo)

Điều 2. Phòng đào tạo có trách nhiệm theo dõi, chỉ đạo khoa Công nghệ thực hiện nghiêm túc chương trình đào tạo này.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo, phòng Tổ chức - Hành chính, phòng Kế toán - Tài vụ, các phòng, ban và các khoa liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở GD&ĐT;
- Lưu: Vp.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Đình Quang

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHI TIẾT
NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

(Ban hành theo Quyết định số 41/QĐ-QT ngày 05 tháng 05 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Trung Cấp Quang Trung)

Tên ngành, nghề: Công nghệ thông tin

Mã ngành, nghề: 5480201

Trình độ đào tạo: trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy / thường xuyên

Đối tượng đào tạo: Học sinh đã tốt nghiệp THCS trở lên

Thời gian đào tạo: 1.5 -2 năm

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo:

Chương trình đào tạo Trung cấp Công nghệ thông tin được xây dựng nhằm trang bị cho người học kiến thức cơ bản và kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Chương trình bao gồm các nội dung về tin học văn phòng, lập trình cơ bản, cơ sở dữ liệu, mạng máy tính, thiết kế website, lắp ráp và bảo trì máy tính, quản lý và khai thác Internet, xử lý hình ảnh, thiết kế đồ họa và biên tập video bằng các phần mềm chuyên dụng.

Trong quá trình học tập, người học được rèn luyện kỹ năng thực hành nghề nghiệp thông qua các bài tập, dự án và thực tập tại doanh nghiệp, giúp nâng cao khả năng vận dụng kiến thức vào thực tế. Đồng thời, chương trình cũng chú trọng phát triển các kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, tác phong công nghiệp và ý thức nghề nghiệp.

Sau khi tốt nghiệp, người học có khả năng làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp, trường học, trung tâm tin học hoặc tự tạo việc làm trong các lĩnh vực như hỗ trợ kỹ thuật công nghệ thông tin, quản trị hệ thống máy tính, thiết kế website, thiết kế đồ họa, quản trị cơ sở dữ liệu, xử lý hình ảnh và truyền thông đa phương tiện. Người học cũng có thể tiếp tục học tập để nâng cao trình độ chuyên môn theo quy định hiện hành.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người học có kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin; có khả năng sử dụng, quản trị và khai thác các hệ thống công nghệ thông tin cơ bản; thực hiện được các công việc về tin học văn phòng, lắp ráp và bảo trì máy tính, quản trị mạng, thiết kế website, xử lý đồ họa và cơ sở dữ liệu; có khả

năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tự học và thích ứng với sự phát triển của công nghệ, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và xã hội.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:

a. **Kiến thức:** Nêu được kiến trúc và nguyên lý hoạt động của máy tính;

- Trình bày được nội dung, phương thức cài đặt, vận hành, bảo dưỡng các phần mềm máy tính dùng cho văn phòng;
- Nêu được một số phương pháp xử lý ảnh và thiết kế đồ họa cơ bản;
- Trình bày được cấu trúc, nguyên lý vận hành của mạng nội bộ;
- Nhận biết được cố thường gặp trong quá trình vận hành các thiết bị văn phòng và hướng giải quyết các dự cố đó.

b. **Về kỹ năng**

- Soạn thảo được văn bản theo mẫu nhà nước ban hành, đúng theo nội dung yêu cầu;
- Sử dụng được ít nhất một ngôn ngữ lập trình;
- Sử dụng thành thạo bộ phần mềm Microsoft Office;
- Sử dụng được bộ Open Office;
- Sử dụng thành thạo các thiết bị văn phòng thông dụng;
- Sao lưu, phục hồi, phòng chống virus cho dữ liệu trong máy tính;
- Lắp ráp, cài đặt được hệ thống mạng cục bộ vừa và nhỏ;
- Thiết kế đồ họa và xử lý ảnh phục vụ công tác văn phòng;
- Đề xuất được biện pháp xử lý các sự cố thường gặp cho các máy văn phòng;

c. **Về thái độ**

- Tự chịu trách nhiệm về chất lượng đối với công việc, sản phẩm do mình đảm nhận theo các tiêu chuẩn quy định và chịu một phần trách nhiệm đối với kết quả công việc, sản phẩm của tổ, nhóm.
- Tôn trọng và tạo dựng được các mối quan hệ tốt với khách hàng, đáp ứng thỏa mãn các nhu cầu chính đáng của họ. Đoàn kết hợp tác giúp đỡ đồng nghiệp và phục tùng cấp trên.

2.2.2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+/- Có nhận thức đúng về đường lối xây dựng và phát triển đất nước, hiểu được pháp luật, ý thức được trách nhiệm của bản thân về lao động, tác phong, luôn vươn lên và tự hoàn thiện.

+/- Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật.

+/- Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển của ngành.

+/ Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, ý thức kỷ luật, yêu nghề; có kiến thức bảo vệ môi trường, cộng đồng của một công dân sống trong xã hội công nghiệp; lối sống lành mạnh phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hoá dân tộc.

+/ Sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm cho mình và cho người khác hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

- Thể chất và quốc phòng:

+/ Đủ sức khoẻ theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế.

+/ Có hiểu biết về các phương pháp rèn luyện thể chất.

+/ Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh.

+/ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Học viên tốt nghiệp trung cấp nghề được có thể làm việc:

- Thư ký văn phòng;
- Quản lý, xử lý dữ liệu, xây dựng đề án cho văn phòng;
- Giảng dạy, kèm cặp về tin học văn phòng cho các bậc thấp hơn;
- Làm việc cho các công ty máy tính;
- Thiết kế quảng cáo;
- Quản lý phòng Internet;
- Quản lý mạng LAN vừa và nhỏ.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: 19
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học : 54 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/ đại cương : 255 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun cơ sở : 480giờ.
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn : 675 giờ.
- Khối lượng lý thuyết : 334 giờ (tỷ lệ 25.2 %); Thực hành, thực tập: 1019 giờ (tỷ lệ 70.8%)

5. Bảng tổng hợp năng lực của ngành, nghề trong chương trình đào tạo

Mã năng lực	Nội dung năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)
NLC01	Thực hiện đúng các quy định của pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, quốc phòng - an ninh và trách nhiệm công dân trong quá trình học tập, làm việc.
NLC02	Sử dụng được tiếng Anh và công nghệ thông tin cơ bản phục vụ học tập, giao tiếp và công việc.

Mã năng lực	Nội dung năng lực
NLC03	Có khả năng giao tiếp, làm việc nhóm, tổ chức công việc, tự học và thích ứng với môi trường làm việc.
NLC04	Thực hiện đúng các quy định về an toàn lao động, an toàn thông tin và tác phong công nghiệp.
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)
NLCM01	Soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính và thiết kế bài trình chiếu bằng bộ công cụ Microsoft Office.
NLCM02	Vận dụng được kiến thức nguyên lý lập trình để giải quyết các bài toán tin học cơ bản.
NLCM03	Thiết kế, quản trị và khai thác cơ sở dữ liệu bằng MySQL và SQL Server.
NLCM04	Quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả Internet và các dịch vụ trực tuyến.
NLCM05	Lắp ráp, cài đặt, bảo trì và khắc phục các sự cố thông thường của máy tính.
NLCM06	Thiết kế, xây dựng và quản trị hệ thống mạng LAN cơ bản.
NLCM07	Thiết kế, xây dựng và cập nhật Website theo yêu cầu thực tế.
NLCM08	Xử lý hình ảnh, thiết kế đồ họa và biên tập video bằng các phần mềm chuyên dụng.
III	Năng lực nâng cao
NLNC01	Tích hợp các công cụ và phần mềm công nghệ thông tin để xây dựng sản phẩm truyền thông đa phương tiện.
NLNC02	Phân tích yêu cầu công việc, lựa chọn giải pháp kỹ thuật phù hợp và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn nghề nghiệp.
NLNC03	Thực hiện được các nhiệm vụ chuyên môn độc lập hoặc theo nhóm tại doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị.
NLNC04	Có khả năng nghiên cứu, cập nhật công nghệ mới, nâng cao trình độ chuyên môn và phát triển nghề nghiệp lâu dài.

6. Danh mục và thời lượng các môn học, mô đun

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra/ Thi
I	Các môn học chung	11	255	94	148	13
MĐ01	Chính trị	2	30	15	13	2
MĐ02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MĐ03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MĐ04	Giáo dục quốc phòng và An ninh	2	45	21	21	3

MĐ0 5	Tin học	2	45	15	29	1
MĐ0 6	Tiếng Anh	3	90	30	56	4
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	43	1155	240	871	44
II.1	Môn học, Mô đun cơ sở	20	480	120	336	24
MĐ0 7	MS.Word	3	75	15	56	4
MĐ0 8	MS.Excel	3	75	15	56	4
MĐ0 9	MS.PowerPoint	3	75	15	56	4
MĐ1 0	Nguyên lý lập trình	3	75	15	56	4
MĐ1 1	My SQL và SQL Sever	3	60	30	28	2
MĐ1 2	Quản lý và sử dụng Internet	2	45	15	28	2
MĐ1 3	Lắp ráp bảo trì và cài đặt máy tính	3	75	15	56	4
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	23	675	120	535	20
MĐ1 4	Cơ sở mạng máy tính và xây dựng mạng LAN	3	75	15	56	4
MĐ1 5	Thiết kế Website	3	75	15	56	4
MĐ1 6	Xử lý ảnh bằng Adobe Photoshop	3	75	15	56	4
MĐ1 7	Xử lý Phim Adobe Premiere	4	90	30	56	4
MĐ1 8	Thiết kế đồ hoạ Adobe Illustrator (AI)	4	90	30	56	4
MĐ1 9	Thực tập tốt nghiệp	6	270	15	255	
	Tổng cộng:	54	1410	334	1019	57

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình.

7.1. Các môn học văn hóa phổ thông:

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

7.2. Các môn học chung:

Đối với các môn học chung bắt buộc: Thực hiện theo chương trình do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức xây dựng và ban hành theo các Thông Tư của Bộ Lao động Thương Binh và Xã Hội

7.3. Đối với các môn học chuyên môn:

Thực hiện theo chương trình do nhà trường xây dựng.

Nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa: theo kế hoạch đào tạo hằng năm của từng khóa học phù hợp với kế hoạch chung do Nhà trường qui định.

7.4. *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với những nội dung có thể thực hiện bằng hình thức trực tuyến;*

Nhóm nội dung	Hình thức	Lý do
Lý thuyết, kiến thức nền tảng	Trực tuyến	Phù hợp với phương pháp giảng dạy, thảo luận, kiểm tra online
Kỹ năng tư duy, phân tích	Trực tuyến + BTL	Có thể thực hiện qua case study, bài tập lớn
Kỹ năng thực hành thao tác	Trực tiếp	Yêu cầu hướng dẫn, sửa lỗi trực tiếp, đảm bảo an toàn
Thực tập tay nghề	Trực tiếp	Bắt buộc theo chuẩn nghề

7.5. *Hướng dẫn đánh giá môn học:*

- Quy trình kiểm tra, số bài kiểm tra cho mỗi môn học, mô-đun cụ thể được thực hiện theo quy định của hiệu trưởng, bảo đảm trong một môn học, mô-đun có ít nhất một điểm kiểm tra thường xuyên, một điểm kiểm tra định kỳ. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân
- Thời gian, phương pháp, hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá hết môn học được xác định và có hướng dẫn cụ thể trong từng chương trình môn học, phù hợp với quy chế đào tạo hiện hành. Thực hiện đánh giá và cho điểm theo thang điểm 10, sau đó được đổi sang thang điểm 4 (đối với trường hợp đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ) theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7.6. *Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp*

- Quy trình đào tạo: Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hướng dẫn thực hiện của Trường.
- Xét công nhận tốt nghiệp: Chương trình đào tạo này được thực hiện theo hình thức đào tạo tín chỉ, người học phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo để được xét công nhận tốt nghiệp.
- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học và các quy định có liên quan để quyết định công nhận tốt nghiệp cho người học.

8. *Chương trình chi tiết các môn học, mô đun (bắt buộc, tự chọn);*

PHỤ LỤC
CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP
(Ban hành theo quyết định số 41 /QĐ-QT, ngày 05 tháng 05 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Quang Trung)

I Năng lực cơ bản (năng lực chung)

Mã năng lực	Nội dung năng lực
NLC01	Thực hiện đúng các quy định của pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, quốc phòng - an ninh và trách nhiệm công dân trong quá trình học tập, làm việc.
NLC02	Sử dụng được tiếng Anh và công nghệ thông tin cơ bản phục vụ học tập, giao tiếp và công việc.
NLC03	Có khả năng giao tiếp, làm việc nhóm, tổ chức công việc, tự học và thích ứng với môi trường làm việc.
NLC04	Thực hiện đúng các quy định về an toàn lao động, an toàn thông tin và tác phong công nghiệp.

II. Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)

Mã năng lực	Nội dung năng lực
NLCM01	Soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính và thiết kế bài trình chiếu bằng bộ công cụ Microsoft Office.
NLCM02	Vận dụng được kiến thức nguyên lý lập trình để giải quyết các bài toán tin học cơ bản.
NLCM03	Thiết kế, quản trị và khai thác cơ sở dữ liệu bằng MySQL và SQL Server.
NLCM04	Quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả Internet và các dịch vụ trực tuyến.
NLCM05	Lắp ráp, cài đặt, bảo trì và khắc phục các sự cố thông thường của máy tính.
NLCM06	Thiết kế, xây dựng và quản trị hệ thống mạng LAN cơ bản.
NLCM07	Thiết kế, xây dựng và cập nhật Website theo yêu cầu thực tế.
NLCM08	Xử lý hình ảnh, thiết kế đồ họa và biên tập video bằng các phần mềm chuyên dụng.

III. Năng lực nâng cao

Mã năng lực	Nội dung năng lực
NLNC01	Tích hợp các công cụ và phần mềm công nghệ thông tin để xây dựng sản phẩm truyền thông đa phương tiện.

NLNC02	Phân tích yêu cầu công việc, lựa chọn giải pháp kỹ thuật phù hợp và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn nghề nghiệp.
NLNC03	Thực hiện được các nhiệm vụ chuyên môn độc lập hoặc theo nhóm tại doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị.
NLNC04	Có khả năng nghiên cứu, cập nhật công nghệ mới, nâng cao trình độ chuyên môn và phát triển nghề nghiệp lâu dài.

MA TRẬN NĂNG LỰC – MÔ ĐUN NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Mô đun	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
Chính trị, Pháp luật	I		R								
Tin học		I									
Tiếng Anh		R									
MS Word			I								
MS Excel			R	I							
MS PowerPoint			M								
Nguyên lý lập trình					I						
MySQL, SQL Server					R	I					
Quản lý và sử dụng Internet						R					
Lắp ráp bảo trì máy tính							I				
Mạng LAN							R	I			
Thiết kế Website								R	I		
Photoshop									R	I	
Premiere									R	R	
Illustrator									M	M	
Thực tập tốt nghiệp	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M

PLO ngành Công nghệ thông tin

- PLO1: Pháp luật, đạo đức nghề nghiệp.
- PLO2: Ngoại ngữ, CNTT cơ bản.
- PLO3: Tin học văn phòng.
- PLO4: Xử lý dữ liệu.
- PLO5: Lập trình cơ bản.
- PLO6: Cơ sở dữ liệu.
- .
- PLO7: Phần cứng máy tính.
- PLO8: Mạng máy tính.
- PLO9: Thiết kế Website và đồ họa.
- PLO10: Truyền thông đa phương tiện.
- PLO11: Thực hành nghề nghiệp và phát triển nghề nghiệp

